

Số: /BC-UBND

Thuận Bắc, ngày tháng 4 năm 2022

BÁO CÁO

Về kết quả thực hiện chính sách, pháp luật về quản lý, sử dụng đất rừng, bảo vệ, phát triển rừng, tỷ lệ che phủ rừng giai đoạn 2016 - 2021 trên địa bàn huyện Thuận Bắc

Tiếp nhận Công văn số 72/HĐ-VPUB, ngày 29/3/2022 của Văn phòng Hội đồng nhân dân tỉnh về việc báo cáo giám sát việc thực hiện chính sách pháp luật về công tác quản lý, bảo vệ, phát triển rừng giai đoạn 2016 - 2021;

Thực hiện Công văn số 1345/UBND-KTTH ngày 01/4/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc báo cáo giám sát việc thực hiện chính sách, pháp luật về công tác quản lý, bảo vệ, phát triển rừng giai đoạn 2016 - 2021;

Ủy ban nhân dân huyện Thuận Bắc báo cáo về kết quả thực hiện chính sách, pháp luật về công tác quản lý, bảo vệ, phát triển rừng giai đoạn 2016 – 2021 trên địa bàn huyện, như sau:

I. KHÁI QUÁT ĐẶC ĐIỂM TÌNH HÌNH

Thuận Bắc là huyện miền núi phía Bắc của tỉnh, có đông đồng bào dân tộc thiểu số, xuất phát điểm nền kinh tế thấp; điều kiện phát triển sản xuất còn nhiều khó khăn. Huyện có 6 xã, trong đó có 03 xã đặc biệt khó khăn vùng dân tộc thiểu số và miền núi (khu vực III), 02 xã thuộc vùng dân tộc thiểu số và miền núi (khu vực II); toàn huyện có 11.444 hộ/49.180 khẩu, trong đó: hộ nghèo 2.597 hộ, chiếm 22,69%; hộ cận nghèo 1.011 hộ, chiếm 8,83%.

1. Thực trạng tài nguyên rừng

Tổng diện tích tự nhiên của huyện là: 31.826,12 ha, trong đó diện tích rừng và diện tích chưa thành rừng (đất lâm nghiệp): 20.597,89 ha, chiếm 64,66%.

- Diện tích rừng và diện tích chưa thành rừng phân theo hiện trạng rừng: Diện tích đất có rừng 12.960,19 ha (rừng tự nhiên: 10.710,48 ha; rừng trồng: 2.249,71 ha). Diện tích chưa thành rừng: 7.637,70 ha (diện tích đã trồng chưa đạt tiêu chí thành rừng: 280 ha; diện tích khoanh nuôi tái sinh: 904,58 ha; diện tích khác: 6.453,12 ha).

- Diện tích rừng và diện tích chưa thành rừng phân theo mục đích sử dụng: Rừng đặc dụng: 11.900,13 ha (Rừng tự nhiên 6.462,87 ha; rừng trồng 1.614,92 ha; diện tích chưa thành rừng 3.822,34 ha). Rừng phòng hộ: 8.175,57 ha (Rừng tự nhiên 4.144,38 ha; rừng trồng 572,49 ha; diện tích chưa thành rừng 3.458,70 ha). Rừng sản xuất: 522,19 ha (Rừng tự nhiên: 103,23 ha; Rừng trồng 62,30 ha; diện tích chưa thành rừng 356,66 ha).

- Độ che phủ rừng huyện Thuận Bắc tại thời điểm tháng 01/2022 là 40,72 % (không tính 280 ha rừng trồng chưa thành rừng). Theo Quyết định số 146/QĐ-UBND ngày 25/02/2022 của UBND tỉnh về việc phê duyệt kết quả rà soát diện tích rừng trồng

ngoài quy hoạch 03 loại rừng trên địa bàn tỉnh, huyện Thuận Bắc có 355,82 ha rừng trồng, qua đó tổng diện tích có rừng là 13.316,01 ha, độ che phủ rừng tăng lên 41,8%.

2. Thực trạng về lực lượng làm nhiệm vụ quản lý, bảo vệ và phát triển rừng thuộc ngành Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và các đơn vị chủ rừng:

2.1. Hạt Kiểm lâm Thuận Bắc

Hạt Kiểm lâm Thuận Bắc được biên chế 11 công chức, về trình độ chuyên môn: Đại học 08 công chức, trung cấp: 03 công chức; trình độ lý luận Chính trị: Cao cấp 02 công chức, Trung cấp 03 công chức và Sơ cấp 01 công chức. Bộ máy gồm 02 lãnh đạo; 01 kế toán; 03 Tổ chuyên môn, nghiệp vụ; 05 Kiểm lâm địa bàn.

2.2. Các đơn vị chủ rừng

Các đơn vị chủ rừng được giao quản lý diện tích rừng nằm trên địa giới hành chính huyện, trụ sở đặt tại huyện khác, chỉ bố trí các Trạm Kiểm lâm, Trạm Quản lý bảo vệ rừng (QLBVR) trực thuộc triển khai công tác QLBVR trên địa bàn huyện Thuận Bắc, cụ thể:

- Ban quản lý rừng phòng hộ đầu nguồn (QLRPHĐN) liên hồ Sông Sắt - Sông Trâu bố trí 02 Trạm QLBVR gồm: Phước Chiến, Phước Kháng, mỗi trạm 04 nhân viên.

- Hạt Kiểm lâm - Ban quản lý Vườn quốc gia Núi Chúa bố trí 04 Trạm Kiểm lâm gồm: Kiên Kiên, Bình Nghĩa, Suối Giếng, Bình Tiên, mỗi trạm 04 công chức.

II. CÔNG TÁC LÃNH ĐẠO, CHỈ ĐẠO, BAN HÀNH VĂN BẢN TRIỂN KHAI THỰC HIỆN CHÍNH SÁCH, PHÁP LUẬT VỀ QUẢN LÝ, SỬ DỤNG ĐẤT RỪNG, BẢO VỆ, PHÁT TRIỂN RỪNG GIAI ĐOẠN 2016 - 2021

1. Căn cứ pháp lý triển khai thực hiện về công tác quản lý, sử dụng đất rừng, bảo vệ, phát triển rừng trong giai đoạn 2016 - 2021

- Luật Lâm nghiệp số 16/2017/QH14, ngày 15 tháng 11 năm 2017;
- Luật Phòng cháy và chữa cháy số 27/2001/QH10, ngày 29/6/2001;
- Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật phòng cháy và chữa cháy số 40/2013/QH13 ngày 22/11/2013;
- Luật Dân quân tự vệ số 48/2019/QH14, ngày 22/11/2019;
- Chỉ thị 13-CT/TW ngày 12/01/2017 của Ban Bí thư về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác quản lý, bảo vệ và phát triển rừng;
- Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16/11/2018 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Lâm nghiệp và Nghị định số 83/2020/NĐ-CP ngày 15/7/2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16/11/2018 của Chính phủ;
- Nghị định số 02/2020/NĐ-CP ngày 30/6/2020 của Chính phủ quy định về hoạt động phối hợp của Dân quân tự vệ;
- Nghị định số 30/2017/NĐ-CP ngày 21/03/2017 của Chính phủ quy định tổ chức, hoạt động ứng phó sự cố, thiên tai và tìm kiếm cứu nạn;

- Nghị định số 79/2014/NĐ-CP, ngày 31/7/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật phòng cháy, chữa cháy và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật phòng cháy, chữa cháy;

- Nghị định số 136/2020/NĐ-CP ngày 24/11/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Phòng cháy và chữa cháy và Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Phòng cháy và chữa cháy

- Nghị quyết số 84/NQ-CP ngày 05/8/2021 của Chính phủ phê duyệt chủ trương đầu tư Chương trình phát triển lâm nghiệp bền vững giai đoạn 2021-2025;

- Nghị định số 01/2019/NĐ-CP ngày 01/01/2019 của Chính phủ về Kiểm lâm và Lực lượng chuyên trách bảo vệ rừng;

- Nghị định số 75/2015/NĐ-CP ngày 09/9/2015 của Chính phủ về cơ chế, chính sách bảo vệ và phát triển rừng, gắn với chính sách giảm nghèo nhanh, bền vững và hỗ trợ đồng bào dân tộc thiểu số giai đoạn 2015 - 2020;

- Quyết định số 523/QĐ-TTg ngày 01/4/2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược phát triển lâm nghiệp Việt Nam giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050;

- Quyết định số 07/2012/QĐ-TTg ngày 08/02/2012 của Thủ tướng Chính phủ, ban hành một số chính sách tăng cường công tác bảo vệ rừng;

- Chỉ thị số 1685/CT-TTg ngày 27/9/2011 của Thủ tướng Chính phủ về tăng cường chỉ đạo thực hiện các biện pháp bảo vệ rừng, ngăn chặn tình trạng phá rừng và chống người thi hành công vụ;

- Quy chế số 06/QC-BCA-BNN&PTNT ngày 30/12/2020 giữa Bộ Công an và Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về phối hợp trong công tác bảo vệ an ninh quốc gia, bảo đảm trật tự an toàn xã hội đấu tranh phòng chống tội phạm trong lĩnh vực Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

- Quyết định số 38/2005/QĐ-BNN ngày 07/7/2005 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành định mức kinh tế- kỹ thuật trồng rừng khoanh nuôi xúc tiến tái sinh và bảo vệ rừng

- Thông tư số 25/2019/TT-BNNPTNT ngày 27/12/2019 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Quy định về phòng cháy, chữa cháy rừng;

- Thông tư số 66/2014/TT-BCA ngày 16/12/2014 của Bộ Công an quy định chi tiết thi hành một số điều của Nghị định số 79/2014/NĐ-CP ngày 31/7/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật phòng cháy, chữa cháy và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật phòng cháy, chữa cháy;

- Kế hoạch số 66/KHPH-PCCC-KL ngày 09/4/2021 về việc phối hợp giữa Cục Cảnh sát phòng cháy chữa cháy và cứu nạn cứu hộ và Cục Kiểm lâm trong công tác phòng cháy chữa cháy rừng

2. Công tác ban hành các văn bản chỉ đạo, điều hành, văn bản hướng dẫn triển khai thực hiện chính sách, pháp luật về quản lý, sử dụng đất rừng, bảo vệ, phát triển rừng giai đoạn 2016 -2021

Công tác quản lý, sử dụng đất rừng, bảo vệ, phát triển rừng được xác định là nhiệm vụ chính trị quan trọng, nhận thức được vai trò, vị trí, tầm quan trọng của bảo vệ và phát triển rừng đối với sự phát triển kinh tế - xã hội của huyện, trong thời gian qua huyện Thuận Bắc đã chủ động, kịp thời ban hành các văn bản chỉ đạo, điều hành, quản lý, cụ thể như sau:

- Kế hoạch số 91-KH/HU ngày 20/6/2017 của Huyện ủy Thuận Bắc về việc triển khai thực hiện Kế hoạch số 65-KH/TU của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về thực hiện Chỉ thị số 13-CT/TW;

- Quy chế phối hợp số 01/QCPh-UBND ngày 10/6/2021 của UBND huyện Thuận Bắc về bảo vệ rừng vùng giáp ranh giữa các huyện Thuận Bắc, Bắc Ái, Ninh Hải tỉnh Ninh Thuận và thành phố Cam Ranh tỉnh Khánh Hòa;

- Quy chế phối hợp thực hiện Nghị định số 02/2020/NĐ-CP ngày 30/6/2020 của Chính phủ về hoạt động phối hợp của Dân quân tự vệ trên địa bàn huyện Thuận Bắc (tại Quyết định số 588/QĐ-UBND ngày 27/5/2020 của UBND huyện Thuận Bắc);

- Kế hoạch phối hợp số 101/KHPh-HKLTB, BA, VQGNC, TPCR, ngày 11/6/2021 về triển khai nhiệm vụ quản lý, bảo vệ rừng vùng giáp ranh giữa các huyện Thuận Bắc, Bắc Ái, Ninh Hải và thành phố Cam Ranh, tỉnh Khánh Hòa;

- Quy chế phối hợp trong công tác bảo vệ rừng và phòng cháy chữa cháy rừng trên địa bàn huyện Thuận Bắc (tại Quyết định số 150/QĐ-BCĐ ngày 18/8/2020);

- Hàng năm, nhằm tăng cường công tác quản lý, bảo vệ và phát triển rừng, huyện Thuận Bắc ban hành các văn bản, phương án, kế hoạch để tập trung lãnh đạo, chỉ đạo như: Phương án PCCCR&TQCPR; Kế hoạch bảo vệ và phát triển rừng; Kế hoạch cao điểm PCCCR và TQCPR trước, trong và sau tết Dương Lịch, Nguyên Đán.

3. Công tác tuyên truyền, nâng cao nhận thức, ý nghĩa, tầm quan trọng, trách nhiệm trong công tác quản lý, sử dụng đất rừng, bảo vệ và phát triển rừng

Công tác tuyên truyền, vận động, nâng cao nhận thức của cán bộ, đảng viên và các tầng lớp Nhân dân về vai trò, tác dụng của rừng đối với cuộc sống con người là một trong những nhiệm vụ quan trọng hàng đầu. Hàng năm, UBND huyện chỉ đạo Hạt Kiểm lâm, các đơn vị chủ rừng đã chủ động phối hợp với UBND các xã xây dựng kế hoạch, tổ chức họp dân tuyên truyền với tổng cộng 156 đợt với 12.672 lượt người tham gia; tập trung tuyên truyền, hướng dẫn người dân phát dọn, đốt nương rẫy theo đúng quy trình, thời điểm; tuyên truyền, vận động người dân ký cam kết không chặt phá rừng làm rẫy, lấn chiếm trái pháp luật với 156 hộ.

Nội dung, hình thức tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật được chú trọng đổi mới, để phù hợp với từng hoàn cảnh, điều kiện cụ thể trong những thời gian, không gian và những đặc điểm của từng đối tượng; nội dung ngắn gọn, súc tích, dễ biết, dễ hiểu, dễ thực hiện. Bên cạnh đó, UBND huyện chỉ đạo Phòng Văn hóa – Thông tin, Trung tâm Văn hóa, thể thao và Truyền thanh huyện nghiên cứu, xây dựng các bài viết, phóng sự liên quan đến công tác quản lý, bảo vệ rừng để tuyên truyền đến toàn thể Nhân dân trong huyện.

(Chi tiết tại Phụ lục 1: Công tác tuyên truyền giai đoạn 2016 - 2021)

4. Những hạn chế, vướng mắc, bất cập và nguyên nhân

- Trong thời gian qua, việc thực hiện chính sách hỗ trợ khoán bảo vệ rừng theo Nghị định số 75/2015/NĐ-CP ngày 09/9/2015 của Chính phủ được triển khai kịp thời, có hiệu quả, tạo nguồn thu nhập ổn định giúp người dân yên tâm bảo vệ, phát triển rừng và sống được bằng nghề rừng. Tuy nhiên, Nghị định số 75/2015/NĐ-CP của Chính phủ thực hiện trong giai đoạn 2015 - 2020, hiện nay chưa có văn bản cho phép kéo dài thời gian thực hiện nên các đơn vị chủ rừng không có cơ sở để thực hiện chính sách khoán bảo vệ rừng.

- Các hạng mục lâm sinh đã xây dựng và ban hành từ những năm 2005 (Quyết định số 38/2005/QĐ-BNN ngày 07/7/2005) chậm được cập nhật, bổ sung, điều chỉnh, hiện nay không còn phù hợp với chi phí thực tế do đó ảnh hưởng đến việc triển khai các dự án trồng và bảo vệ rừng của các đơn vị chủ rừng.

III. KẾT QUẢ THỰC HIỆN CHÍNH SÁCH, PHÁP LUẬT VỀ QUẢN LÝ, SỬ DỤNG ĐẤT RỪNG, BẢO VỆ, PHÁT TRIỂN RỪNG GIAI ĐOẠN 2016 – 2021 TRÊN ĐỊA BÀN HUYỆN THUẬN BẮC

1. Công tác quản lý, bảo vệ rừng

1.1. Công tác quản lý rừng

- Trong quá trình xây dựng, thẩm định, phê duyệt và tổ chức thực hiện quy hoạch 03 loại rừng tỉnh Ninh Thuận giai đoạn 2016 - 2025, UBND huyện chỉ đạo Hạt Kiểm lâm, các đơn vị chủ rừng và UBND các xã tham gia phối hợp với Chi cục Kiểm lâm tỉnh rà soát, xây dựng quy hoạch phù hợp với tình hình thực tế địa phương; tổ chức tiếp nhận bàn giao quy hoạch, triển khai công tác quản lý, bảo vệ trên kết quả quy hoạch đã được phê duyệt.

- UBND huyện chỉ đạo Hạt Kiểm lâm Thuận Bắc phối hợp với các phòng chuyên môn của huyện, các đơn vị chủ rừng, UBND các xã rà soát, quy hoạch, tích hợp các dự án trên địa bàn huyện vào quy hoạch lâm nghiệp của tỉnh và quy hoạch lâm nghiệp quốc gia.

- Công tác bàn giao thực địa, hiện trạng quản lý rừng và đất lâm nghiệp cho chủ rừng và UBND xã: Công tác bàn giao thực địa cho các chủ rừng quản lý, bàn giao đất quy hoạch đưa ra 03 loại rừng để sản xuất nông nghiệp cho UBND các xã do Chi cục Kiểm lâm chủ trì, phối hợp với UBND huyện, UBND các xã, các đơn vị chủ rừng tiến hành bàn giao thực địa đất quy hoạch đưa ra 03 loại rừng để sản xuất nông nghiệp đợt 2 cho UBND 4 xã với diện tích 527,39 ha (xã Công Hải 26,11 ha, xã Lợi Hải 13,48 ha, xã Phước Chiến 382,53 ha, xã Phước Kháng 105,27 ha).

- Công tác tổ chức cắm mốc ranh giới quản lý rừng và đất lâm nghiệp: Hiện nay các đơn vị chủ rừng, UBND xã Công Hải (trực tiếp quản lý diện tích rừng chưa giao, chưa cho thuê) đã tiến hành cắm mốc ranh giới hiện trạng quản lý.

- Lập hồ sơ quản lý nương rẫy: UBND huyện chỉ đạo Hạt Kiểm lâm, UBND các xã, các đơn vị chủ rừng rà soát, lập hồ sơ quản lý nương rẫy, toàn huyện có 3.677,58 ha nương rẫy xen kẽ trong quy hoạch 03 loại rừng, hiện nay người dân đang sản xuất nông

nghiệp, Hạt Kiểm lâm đang phối hợp với chính quyền địa phương, các chủ rừng theo dõi, quản lý chặt chẽ không để xảy ra tình trạng lấn chiếm.

- Kết quả chuyển mục đích đất rừng, rừng tự nhiên, rừng trồng sang mục đích khác để thực hiện các dự án đầu tư phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn: Trong giai đoạn 2016 - 2021 trên địa bàn huyện Thuận Bắc đã chuyển mục đích sử dụng 17,44 ha, trong đó 4,52 ha rừng tự nhiên, 12,92 ha rừng trồng; trình tự, thủ tục được thực hiện đúng quy trình, thẩm quyền theo quy định.

(Chi tiết tại Phụ lục 8: Dự án đã được cấp có thẩm quyền chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác giai đoạn 2016-2021)

- Đánh giá công tác tổ chức quản lý rừng: thực hiện nguyên tắc các diện tích rừng có chủ, do đó quy hoạch giai đoạn 2016 - 2025 các diện tích do UBND các xã quản lý đã được chuyển cho các đơn vị chủ rừng quản lý; hiện còn 34,45 ha chưa giao, chưa cho thuê do UBND xã Công Hải quản lý, số diện tích này được điều chỉnh ra ngoài quy hoạch 03 loại rừng để thực hiện dự án trên địa bàn.

- Đánh giá về công tác điều tra, kiểm kê, theo dõi diễn biến rừng: Công tác theo dõi diễn biến rừng, xác định các diện tích biến động của từng loại rừng, từng chủ rừng cập nhật diễn biến rừng, đồng bộ dữ liệu về trung tâm kịp thời, theo quy định; phục vụ công tác xây dựng quy hoạch, kế hoạch trong quản lý, bảo vệ và phát triển rừng; thực hiện công tác quản lý, lưu trữ hồ sơ, cơ sở dữ liệu rừng cấp huyện theo quy định.

1.2. Công tác bảo vệ rừng

- Công tác tuần tra, truy quét, xử lý để bảo vệ rừng trên địa bàn huyện Thuận Bắc thời gian qua được quan tâm, triển khai thường xuyên, đồng bộ, quyết liệt; trong giai đoạn 2016 - 2021 đã tổ chức 1.128 đợt với 9.713 lượt người tham gia, ngăn chặn kịp thời các hành vi xâm hại tài nguyên rừng; các vụ việc vi phạm đều được phát hiện kịp thời, xử lý nghiêm theo quy định của pháp luật.

(Chi tiết tại Phụ lục 1: Công tác tuyên truyền giai đoạn 2016-2021)

- Công tác phối hợp trong quản lý, bảo vệ rừng vùng giáp ranh được triển khai thực hiện nghiêm túc, hiệu quả: huyện Thuận Bắc, Bắc Ái, Ninh Hải, thành phố Cam Ranh ký kết Quy chế phối hợp số 01/QCPH-UBND ngày 10/6/2021 về bảo vệ rừng vùng giáp ranh giữa các huyện Thuận Bắc, Bắc Ái, Ninh Hải tỉnh Ninh Thuận và thành phố Cam Ranh, tỉnh Khánh Hòa; chỉ đạo Hạt Kiểm lâm ký kết Kế hoạch phối hợp số 101/KHPH-HKLTB, BA, VQGNC, TPCR ngày 11/6/2021 về triển khai nhiệm vụ quản lý, bảo vệ rừng vùng giáp ranh giữa các huyện Thuận Bắc, Bắc Ái, Ninh Hải, tỉnh Ninh Thuận và thành phố Cam Ranh, tỉnh Khánh Hòa. Nhằm tăng cường công tác quản lý, bảo vệ rừng, UBND huyện chỉ đạo lực lượng Kiểm lâm, Công an, Quân sự, các đơn vị chủ rừng, các phòng chuyên môn của huyện ký kết và triển khai thực hiện Quy chế phối hợp liên ngành trong công tác quản lý, bảo vệ rừng, xây dựng kế hoạch phối hợp kiểm tra liên ngành đảm bảo lực lượng đủ mạnh để tổ chức thực hiện có hiệu quả.

- Đánh giá về công tác phòng cháy, chữa cháy rừng: Hàng năm UBND huyện chỉ đạo Hạt Kiểm lâm chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan tham mưu, xây dựng trình UBND huyện phê duyệt phương án phòng cháy, chữa cháy rừng và truy

quét chống phá rừng, đây là căn cứ để các đơn vị, phòng ban có liên quan trên địa bàn huyện chủ động, sẵn sàng lực lượng, phương tiện, công cụ..., bố trí điểm trực, tổ chức tuần tra, truy quét, nhằm phát hiện kịp thời, ứng cứu và ngăn chặn những tình huống, hoạt động trái pháp luật, gây nguy hại làm suy giảm diện tích và chất lượng rừng, qua đó giúp nâng cao hiệu quả công tác quản lý, bảo vệ và phát triển rừng. Trong giai đoạn 2016 - 2021, trên địa bàn huyện xảy ra 08 vụ cháy với 10,32 ha, đã kịp thời huy động 155 lượt người tham gia chữa cháy rừng, không để xảy ra cháy lan, cháy lớn; các vụ cháy chủ yếu là cháy thảm thực vật, lá khô nên không ảnh hưởng đến rừng, thiệt hại không đáng kể.

(Chi tiết tại phụ lục 2: Số vụ cháy rừng từ 2016 - 2021)

- Công tác đấu tranh phòng chống và xử lý các hành vi phá rừng, mua, bán, vận chuyển lâm sản trái pháp luật; thanh tra, kiểm tra công tác PCCCR được các cơ quan, đơn vị liên quan quan tâm, phối hợp thực hiện có hiệu quả, đúng quy trình, thẩm quyền, thể hiện sự thống nhất, đoàn kết, trách nhiệm của từng cơ quan; chủ động trao đổi thông tin, phối hợp giải quyết các vụ việc liên quan đến công tác quản lý, bảo vệ rừng, PCCCR kịp thời, hiệu quả.

Trong giai đoạn 2016 - 2021, qua các đợt tuần tra truy quét chống phá rừng đã phát hiện, củng cố hồ sơ 69 vụ; trong đó: 68 vụ hành chính, 01 vụ hình sự. Đã xử lý 66 vụ hành chính (02 vụ phá rừng trái pháp luật do Công an huyện tiếp nhận điều tra, xác minh, đến nay chưa xác định được đối tượng); 01 vụ hình sự (Xử phạt 03 bị cáo 18 tháng tù, cho hưởng án treo). Tang vật, phương tiện tịch thu gồm: 10 xe mô tô; 5 cửa máy; 12 phương tiện khác; 8,684 m³ gỗ tròn; 2,810 m³ gỗ xẻ; 13 ster củi; 109 cây cảnh; 935 kg than hầm; 153 kg gốc rễ; 120 kg thực vật rừng ngoài gỗ; thu nộp ngân sách Nhà nước 255.022.000 đồng.

(Chi tiết tại phụ lục 3 và phụ lục 4: Kết quả xử lý vi phạm từ 2016 - 2021)

2. Công tác phát triển rừng, sử dụng đất rừng

- Hàng năm, các đơn vị chủ rừng (Ban quản lý Vườn Quốc gia Núi Chúa, Ban quản lý rừng phòng hộ đầu nguồn hồ Sông Sắt – Sông Trâu) xây dựng kế hoạch trồng rừng để chủ động từ khâu chuẩn bị giống và trồng khi thời tiết thuận lợi nên hàng năm đều hoàn thành chỉ tiêu trồng rừng được giao; tổng diện tích rừng đã trồng trong giai đoạn 2016 - 2021 là 444,84 ha, chăm sóc rừng 859,81 lượt ha, khoanh nuôi xúc tiến tái sinh rừng tự nhiên 9.468 lượt ha, trồng cây phân tán 156.161 nghìn cây.

- Tổng diện tích thực hiện giao khoán bảo vệ rừng giai đoạn 2016 - 2021 là 37.095 lượt ha. Thực hiện Nghị định số 75/2015/NĐ-CP ngày 09/09/2015 của Chính phủ, các đơn vị đã lập hồ sơ tạo điều kiện cho các hộ dân tham gia nhận rừng khoán quản được vay ưu đãi để phát triển chăn nuôi, hỗ trợ sinh kế cho người dân. Số tiền được vay vốn từ Ngân hàng Chính sách đều được các hộ dân sử dụng vào mục đích chăn nuôi, đầu tư mua giống cây trồng và trang trải cuộc sống sinh hoạt; phần lớn số hộ được vay vốn đầu tư chăn nuôi đến nay đã bắt đầu có hiệu quả; ngoài ra còn trích lại một phần kinh phí nhận khoán bảo vệ rừng để mua Bò, Dê sinh sản, giúp người dân có nguồn thu nhập ổn định, đây là giải pháp hữu hiệu giúp bà con tiết kiệm, tạo nguồn thu và giảm nghèo bền vững;

(Chi tiết tại Phụ lục số 5: Kết quả thực hiện phát triển rừng giai đoạn 2016-2021)

3. Đánh giá kết quả thực hiện tỷ lệ che phủ rừng giai đoạn 2016 - 2021 so chỉ tiêu Nghị quyết HĐND tỉnh

Trong giai đoạn 2016 – 2021, độ che phủ rừng của huyện Thuận Bắc được cải thiện rõ rệt, năm 2016 là 27,39 % đến hết năm 2021 tăng lên 40,72%, nguyên nhân là do tiêu chí rừng tự nhiên thay đổi giữa Luật Lâm nghiệp năm 2017 và Luật Bảo vệ và Phát triển rừng năm 2004 (Dự án điều tra, đánh giá và giám sát tài nguyên rừng tỉnh Ninh Thuận được UBND tỉnh phê duyệt tại quyết định số 204/QĐ-UBND ngày 07/5/2021). Mặt khác, tình trạng phá rừng trái pháp luật được kiểm soát, diện tích rừng được bảo vệ chặt chẽ; một số diện tích rừng trồng qua các năm được nghiệm thu thành rừng, góp phần tăng tỷ lệ độ che phủ rừng.

(Chi tiết tại Phụ lục số 7: Tổng hợp diễn biến rừng và đất lâm nghiệp từ 2016-2021)

4. Đánh giá việc thực hiện chính sách đầu tư bảo vệ và phát triển rừng

Việc thực hiện chính sách đầu tư bảo vệ và phát triển rừng đã góp phần bảo vệ tốt tài nguyên rừng hiện có, trồng mới rừng, khoán bảo vệ rừng, khoanh nuôi xúc tiến tái sinh rừng, qua đó góp phần phủ xanh đất trống đồi núi trọc, tăng độ che phủ rừng, cải thiện môi trường sinh thái, điều hòa khí hậu và giải quyết việc làm cho lao động nông thôn miền núi. Từ đó nâng cao nhận thức, gắn quyền lợi, nghĩa vụ và trách nhiệm của người dân trong công tác bảo vệ và phát triển rừng

5. Đánh giá kết quả huy động nguồn lực thực hiện nhiệm vụ bảo vệ , phát triển rừng

Việc huy động và sử dụng nguồn lực để thực hiện nhiệm vụ bảo vệ và phát triển rừng được thực hiện đúng quy định của Nhà nước; UBND tỉnh đã huy động và phân bổ nguồn vốn từ Chương trình mục tiêu phát triển lâm nghiệp bền vững, vốn các dự án và nguồn vốn sự nghiệp lâm nghiệp và phân bổ các nguồn vốn đảm bảo cho các chủ rừng thực hiện công tác quản lý, bảo vệ và phát triển rừng.

Kinh phí thực hiện công tác phòng cháy chữa cháy rừng và truy quét chống phá rừng cấp huyện được cấp hàng năm cơ bản đảm bảo triển khai thực hiện các nhiệm vụ; nhưng kinh phí thực hiện Phương án phòng cháy chữa cháy rừng và truy quét chống phá rừng cấp xã được cấp thấp không đáp ứng yêu cầu; không ổn định, năm 2021, 2022 chưa được cấp, ảnh hưởng đến việc triển khai thực hiện các nhiệm vụ quản lý, bảo vệ rừng, phòng cháy chữa cháy rừng tại cơ sở.

6. Đánh giá hiệu lực, hiệu quả công tác quản lý nhà nước về quản lý, bảo vệ và phát triển rừng

- Qua 5 năm triển khai thực hiện Chỉ thị 13-CT/TW ngày 12/01/2017 của Ban Bí thư về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác quản lý, bảo vệ và phát triển rừng đã được các cấp ủy, chính quyền, cả hệ thống chính trị quan tâm triển khai thực hiện, đạt được những kết quả quan trọng, đặc biệt là sự chuyển biến mạnh mẽ về nhận thức, ý thức, trách nhiệm của cán bộ, đảng viên, cộng đồng dân cư, hộ gia đình và mọi cá nhân đối với việc quản lý, bảo vệ và phát triển rừng; trách nhiệm của người đứng đầu các cơ quan, tổ chức, địa phương được nâng cao.

- Trách nhiệm quản lý Nhà nước về rừng và đất lâm nghiệp của chính quyền cấp huyện, cấp xã được nâng cao, lãnh đạo sâu sát, chỉ đạo triển khai thực hiện quyết liệt, kịp thời; tổ chức quán triệt, thực hiện nghiêm túc các Chỉ thị, Quyết định của Trung ương và của Tỉnh ủy, UBND tỉnh về công tác quản lý, bảo vệ rừng; quá đó, công tác quản lý, bảo vệ rừng trên địa bàn huyện có chuyển biến tích cực.

- Thực hiện Quyết định số 83/2007/QĐ-BNN, ngày 04/10/2007 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về nhiệm vụ công chức Kiểm lâm địa bàn cấp xã. Trên địa bàn huyện có 5/6 xã có rừng đều được bố trí Kiểm lâm địa bàn, trong đó 01 Kiểm lâm địa bàn chuyên trách tại xã Phước Chiển. Cán bộ Kiểm lâm địa bàn phát huy tốt nhiệm vụ của mình, tham mưu UBND xã triển khai thực hiện trách nhiệm quản lý Nhà nước về rừng và đất lâm nghiệp trên địa bàn. Phối hợp chặt chẽ với các lực lượng bảo vệ rừng của các đơn vị chủ rừng, các ngành của xã thường xuyên bám sát địa bàn, nắm bắt thông tin, ngăn chặn kịp thời các dấu hiệu vi phạm ban đầu có nguy cơ xâm hại đến tài nguyên rừng trên địa bàn quản lý; kiểm tra, kiểm soát chặt chẽ các tuyến đường có khả năng xảy ra tình trạng vận chuyển lâm sản trái phép; ngăn chặn không cho người đưa phương tiện và công cụ ra vào rừng trái phép.

7. Vai trò, trách nhiệm của cấp ủy, chính quyền, người đứng đầu trong việc phối hợp thực hiện nhiệm vụ quản lý, bảo vệ và phát triển rừng

Cấp ủy, chính quyền cấp xã có vai trò, trách nhiệm hết sức quan trọng trong công tác quản lý, bảo vệ và phát triển rừng; chính quyền cấp xã là nơi gần dân, nơi triển khai thực hiện đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về lâm nghiệp. Sự phối hợp chặt chẽ, hiệu quả giữa các ngành Kiểm lâm, Công an, Quân đội, sự phối hợp với chính quyền địa phương và các chủ rừng trong việc kiểm tra, truy quét và xử lý vi phạm, qua đó góp phần thực hiện tốt công tác bảo vệ rừng, phát triển rừng và công tác phòng cháy, chữa cháy rừng.

IV. ĐÁNH GIÁ CHUNG

1. Thuận lợi, khó khăn

1.1. Thuận lợi

- Công tác quản lý, sử dụng đất rừng, bảo vệ, phát triển rừng trên địa bàn huyện luôn được sự quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo của Tỉnh ủy, UBND tỉnh, Huyện ủy, UBND huyện; nhận thức của cấp ủy, chính quyền các cấp và các tầng lớp Nhân dân về vai trò, vị trí, tác dụng của rừng ngày càng đầy đủ, đúng đắn hơn, quá đó tạo sự đồng thuận cao, thu hút được các tầng lớp Nhân dân tham gia bảo vệ, phát triển rừng.

- Công tác phối hợp trong thực hiện công tác quản lý, sử dụng đất rừng, bảo vệ, phát triển rừng giữa cơ quan, đơn vị, ngành chức năng được tăng cường, triển khai đồng bộ, thống nhất, xuyên suốt với nhiều giải pháp tích cực, qua đó góp phần giảm số vụ vi phạm pháp luật về lâm nghiệp, các vụ vi phạm được phát hiện, ngăn chặn, xử lý kịp thời không để xảy ra điểm nóng trên địa bàn.

- Trong những năm qua kinh tế tỉnh Ninh Thuận có bước phát triển vượt bậc, thu hút đầu tư tăng nhanh, trên địa bàn tỉnh đã và đang triển khai thực hiện nhiều công trình,

dự án kinh tế, qua đó giải quyết một lượng lớn lao động địa phương, tạo nguồn thu nhập ổn định, góp phần hạn chế sự tác động tiêu cực của người dân vào rừng.

1.2. Khó khăn

- Kinh tế phát triển, nhu cầu gỗ xây dựng nhà cửa, đóng đồ nội thất; nhu cầu sử dụng các loài thực vật rừng làm cảnh trong xã hội đang có chiều hướng gia tăng đã gây áp lực không nhỏ cho công tác quản lý, bảo vệ và phát triển rừng.

- Công tác tuyên truyền, vận động nhân dân tham gia bảo vệ, phát triển rừng còn gặp nhiều khó khăn, nhất là đối với các hộ dân canh tác nương rẫy xen kẽ trong quy hoạch 03 loại rừng đã giao cho các Ban quản lý rừng quản lý, với tập quán canh tác, sinh hoạt theo lối cũ chậm thay đổi, đời sống còn nhiều khó khăn.

- Lực lượng chuyên trách bảo vệ rừng, điều kiện làm việc và sinh hoạt còn nhiều khó khăn, thiếu thốn, làm việc trên địa bàn rừng núi hiểm trở, luôn đối mặt với các đối tượng vi phạm có hành vi manh động, tấn công xâm hại về tinh thần, sức khỏe, đe dọa tới tính mạng. Tuy nhiên lại không được trang bị đầy đủ trang thiết bị, phương tiện; các chế độ, chính sách ưu đãi dành cho lực lượng chuyên trách bảo vệ rừng hiện nay còn thấp chưa thật sự tương xứng.

- Cộng đồng nhận khoán bảo vệ rừng là lực lượng tham gia tích cực, hiệu quả trong công tác bảo vệ và phát triển rừng; tuy nhiên kinh phí chi trả hỗ trợ khoán bảo vệ rừng còn thấp (400.000 đồng/ha/năm), thường cấp chậm, từ năm 2021 đến nay chưa được cấp nên ảnh hưởng công tác quản lý, bảo vệ rừng của các đơn vị chủ rừng.

- Nguồn lực đầu tư cho ngành lâm nghiệp còn thấp, nhất là đầu tư xây dựng, hoàn thiện kết cấu hạ tầng lâm nghiệp để bảo vệ và phát triển rừng; việc huy động nguồn lực, xã hội hóa trong công tác bảo vệ và phát triển rừng còn khó khăn, chưa hiệu quả.

- Sau khi rà soát, thống kê tình hình cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo hình thức kê khai (sổ đỏ) cho hộ dân, toàn huyện Thuận Bắc có 1.474 hộ được cấp sổ với diện tích 905,31 ha (xã Phước Chiến: 422 hộ với diện tích 292,39 ha; xã Phước Kháng: 327 hộ với diện tích 222,85 ha; xã Công Hải: 450 hộ với diện tích 241,75 ha; xã Lợi Hải: 275 hộ với diện tích 148,32 ha), diện tích này nằm xen kẽ trong quy hoạch 03 loại rừng, đến nay chưa được bóc tách, có hướng xử lý dứt điểm dẫn đến bất cập, khó khăn trong công tác quản lý, bảo vệ rừng và phát triển rừng.

2. Kết quả đạt được

Trong giai đoạn 2016 - 2021, UBND huyện Thuận Bắc thực hiện tốt trách nhiệm trong công tác quản lý nhà nước về lâm nghiệp; tập trung thực hiện tốt công tác quản lý, bảo vệ rừng, bảo tồn đa dạng sinh học rừng, phòng cháy và chữa cháy rừng; tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật về lâm nghiệp; tổ chức thực hiện điều tra rừng, kiểm kê rừng, theo dõi diễn biến rừng; thực hiện việc phân loại rừng, phân định ranh giới các loại rừng; và đạt được một số kết quả nổi bật như sau:

- Tình hình khai thác, vận chuyển lâm sản trái pháp luật được ngăn chặn, phát hiện, xử lý kịp thời không để xảy ra điểm nóng trên địa bàn; tình phá rừng; lấn, chiếm

diện tích chưa thành rừng kiểm soát chặt chẽ; các vụ vi phạm trong lĩnh vực Lâm nghiệp giảm dần qua các năm.

- Hoàn thành chỉ tiêu trồng rừng, khoanh nuôi xúc tiến tái sinh rừng tự nhiên hàng năm; tỷ lệ che phủ rừng tăng nhanh. Tạo điều kiện cho các hộ dân tham gia nhận rừng khoán quản được vay ưu đãi để phát triển chăn nuôi, tạo việc làm nâng cao thu nhập; tranh thủ các nguồn kinh phí phát triển cộng đồng để thực hiện các mô hình sinh kế tại địa phương đây là giải pháp hữu hiệu giúp bà con tiết kiệm, tạo nguồn thu và giảm nghèo bền vững.

- Công tác phối kết hợp giữa các ngành, địa phương, vùng giáp ranh luôn được duy trì thường xuyên, qua đó nắm bắt thông tin tình hình vi phạm, các nguy cơ xâm hại tài nguyên rừng để cùng phối hợp điều tra, theo dõi, xác minh và xử lý theo quy định của pháp luật.

3. Những tồn tại, hạn chế, bất cập, vướng mắc

- Công tác tuyên truyền, phổ biến pháp luật về bảo vệ, phát triển rừng được tăng cường, nhưng hiệu quả chưa cao, tuyên truyền còn mang hình thức, chưa đổi mới nội dung và hình thức, chưa gắn với phong tục tập quán và đời sống của người dân, do đó không thu hút được sự quan tâm của người dân.

- Hàng năm, UBND huyện chỉ đạo Hạt Kiểm lâm phối hợp với các đơn vị chủ rừng và UBND các xã xây dựng phương án và triển khai đồng bộ các biện pháp phòng cháy chữa cháy rừng và truy quét chống phá rừng nhưng vẫn xảy ra cháy rừng, thời gian huy động người dân, tiếp cận đám cháy chưa kịp thời dẫn đến hạn chế trong công tác chữa cháy rừng.

- Công tác quản lý rừng và đất rừng còn nhiều tồn tại, bất cập và vướng mắc như một số đất rừng quy hoạch 03 loại rừng trên bản đồ không trùng thực tế ngoài thực địa; diện tích đất nương rẫy xem kẽ trong rừng và đất lâm nghiệp chưa được bóc tách gây khó khăn trong quá trình quản lý, bảo vệ và phát triển rừng.

- Lực lượng chuyên trách bảo vệ rừng của chủ rừng chưa đủ mạnh; một số công chức Kiểm lâm địa bàn còn yếu về chuyên môn nghiệp vụ, chưa đáp ứng yêu cầu trong tình hình mới, ảnh hưởng đến việc tham mưu UBND xã quản lý Nhà nước về lâm nghiệp; chính quyền một số xã chưa thực sự tích cực với công tác bảo vệ rừng, phòng cháy chữa cháy rừng, coi đây là việc của đơn vị chủ rừng và của các cơ quan chức năng.

4. Nguyên nhân hạn chế

4.1. Nguyên nhân khách quan

- Thời tiết khắc nghiệt, nắng nóng kéo dài, diện tích rừng và đất rừng rộng lớn, địa hình đồi núi phức tạp, là địa bàn đông người đồng bào dân tộc thiểu số sinh sống, đời sống kinh tế còn nhiều khó khăn, người dân có truyền thống canh tác nương rẫy nên việc đi lại tuần tra, truy quét, phát hiện và xử lý các trường hợp vi phạm pháp luật về bảo vệ rừng gặp nhiều khó khăn.

- Nhu cầu sử dụng gỗ, cây cảnh có nguồn gốc từ rừng của người dân ngày càng tăng; mặt khác việc chuyển đổi đất rừng để thực hiện các dự án phát triển kinh tế trên địa bàn đã kéo theo, phát sinh việc mua bán, sang nhượng đất trái phép, lấn chiếm đất

lâm nghiệp chừa đền bù, giải tỏa, đây là nguy cơ tiềm ẩn khó lường, ảnh hưởng lớn đến công tác quản lý, bảo vệ rừng.

4.2. Nguyên nhân chủ quan

- Công tác phối hợp trong tuần tra, truy quét, xử lý các vụ vi phạm giữa đơn vị chủ rừng, các đơn vị quản lý nhà nước và chính quyền địa phương đôi lúc chưa thật sự chặt chẽ; chế độ thông tin, báo cáo còn chưa được thống nhất và thường xuyên.

- Một số cán bộ làm công tác quản lý bảo vệ rừng trình độ chuyên môn nghiệp vụ, năng lực còn hạn chế, ý thức trách nhiệm chưa cao nên phần nào đó chưa đáp ứng được yêu cầu nhiệm vụ đặt ra.

- Nhận thức, ý thức về bảo vệ rừng, phòng cháy chữa cháy rừng của một bộ phận người dân còn hạn chế, còn vi phạm pháp luật về lâm nghiệp, lấn chiếm đất lâm nghiệp, đốt rẫy không đúng quy định làm lửa cháy lan vào rừng và dẫn đến cháy rừng.

5. Một số bài học kinh nghiệm

- *Một là:* Tăng cường sự lãnh đạo, chỉ đạo và nêu cao trách nhiệm của cấp ủy, chính quyền địa phương các cấp trong công tác quản lý nhà nước về rừng và đất lâm nghiệp, đây là nguyên tắc, vừa là giải pháp then chốt trong công tác bảo vệ, phát triển rừng. Đồng thời, tăng cường công tác phối hợp giữa các cấp, các ngành, các cơ quan, đơn vị, lấy chính quyền cấp xã làm chủ đạo trong công tác quản lý, bảo vệ rừng để nâng cao nhận thức, hành động, thấy được trách nhiệm của mình trong công tác quản lý nhà nước về lâm nghiệp.

- *Hai là:* Coi trọng và thực hiện tốt công tác tuyên truyền, nâng cao nhận thức, hành động của các cấp ủy, chính quyền và các tầng lớp Nhân dân trong công tác quản lý, bảo vệ và phát triển; công tác tuyên truyền phải được thực hiện thường xuyên, liên tục, xác định đúng nội dung trọng tâm, trọng điểm, đổi mới về nội dung và hình thức, sáng tạo trong cách làm, phù hợp với từng hoàn cảnh, điều kiện cụ thể. Cán bộ Kiểm lâm địa bàn phải thường xuyên bám sát cơ sở để phối hợp với chính quyền tuyên truyền, phổ biến pháp luật bảo vệ rừng.

- *Ba là:* Thực hiện tốt các chính sách hỗ trợ giao khoán bảo vệ rừng; luôn gắn công tác bảo vệ và phát triển rừng với kết hợp triển khai sinh kế tạo công ăn việc làm nâng cao thu nhập từ rừng cho người dân để ổn định đời sống, gắn bó mật thiết với việc bảo vệ và phát triển rừng.

- *Bốn là:* Xây dựng lực lượng chuyên trách bảo vệ rừng của các đơn vị chủ rừng đủ mạnh; tăng cường, nâng cao trình độ chuyên môn cho cán bộ Kiểm lâm địa bàn và lực lượng bảo vệ rừng để tổ chức bảo vệ, phát triển rừng và phòng cháy, chữa cháy rừng từ cơ sở. Làm tốt công tác thông tin báo cáo và thi đua, khen thưởng, kỷ luật trong công tác bảo vệ rừng, phòng cháy, chữa cháy rừng.

V. GIẢI PHÁP THỰC HIỆN TRONG THỜI GIAN TỚI

1. Công tác quản lý, bảo vệ rừng

- Tiếp tục thực hiện có hiệu quả các chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước về lâm nghiệp. Triển khai thực hiện nghiêm túc, hiệu

quả Chỉ thị số 13-CT/TW ngày 12/01/2017 của Ban Bí thư về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác quản lý, bảo vệ và phát triển rừng; Nghị quyết số 71/NQ-CP ngày 08/8/2017 của Chính phủ về việc ban hành Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Chỉ thị số 13-CT/TW; Kế hoạch số 65-KH/TU ngày 10/5/2017 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về việc triển khai thực hiện Chỉ thị số 13-CT/TW; Kế hoạch số 3124/KH-UBND ngày 03/8/2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc triển khai Kế hoạch số 65-KH/TU; Kế hoạch số 91-KH/HU ngày 20/6/2017 của Huyện ủy Thuận Bắc.

- Tăng cường công tác phối hợp giữa các cơ quan, ban ngành, chính quyền địa phương, các đơn vị chủ rừng và các tổ chức có liên quan; thường xuyên tổ chức tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật về bảo vệ, phát triển rừng bằng nhiều hình thức, phù hợp với tình hình thực tế của từng địa phương, nhằm nâng cao nhận thức chấp hành pháp luật cho mọi tầng lớp Nhân dân.

- Theo dõi và kiểm soát chặt chẽ diễn biến rừng và đất lâm nghiệp trên địa bàn, kịp thời phát hiện những hành vi đốt rừng, phá rừng, khai thác, lấn, chiếm rừng trái pháp luật, khi phát hiện phải kiên quyết xử lý theo đúng quy định của pháp luật. Nâng cao năng lực quản lý, điều hành, tinh thần trách nhiệm của lực lượng Kiểm lâm; kiên quyết xử lý nghiêm đối với các tổ chức, cá nhân bao che, tiếp tay cho các hành vi vi phạm trong lĩnh vực lâm nghiệp.

- Nghiên cứu, đề xuất một số chính sách hỗ trợ phát triển lâm nghiệp (kêu gọi nguồn lực tài chính từ các doanh nghiệp, các tổ chức). Tăng cường thu hút các doanh nghiệp có tiềm lực đầu tư trong lĩnh vực kinh doanh du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng (thuê môi trường rừng). Đồng thời huy động nguồn lực tài chính bảo vệ nguyên vẹn diện tích rừng tự nhiên hiện có.

- Tăng cường công tác tuyên truyền, vận động và nâng cao nhận thức cho cộng đồng, chính quyền địa phương về vai trò, tác dụng của rừng đối với cuộc sống của người dân về cung cấp các sản phẩm đáp ứng yêu cầu hàng ngày của con người và góp phần điều hòa khí hậu, bảo vệ môi trường sống.

2. Công tác phát triển rừng

- Tiếp tục thực hiện nghiêm túc, có hiệu quả các chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước về bảo vệ và phát triển rừng như: Chỉ thị số 13-CT/TW ngày 12/01/2017 của Ban Bí thư Trung ương Đảng; Nghị quyết số 71/NQ-CP ngày 08/8/2017 của Chính phủ; Kế hoạch số 65-KH/TU ngày 10/5/2017 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy; Nghị quyết số 17-NQ/TU ngày 14/10/2014 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy; Kế hoạch số 91-KH/HU ngày 20/6/2017 của Huyện ủy Thuận Bắc.

- Tiếp tục thực hiện khoán bảo vệ rừng, khoanh nuôi tái sinh rừng; củng cố, duy trì các chốt trực bảo vệ rừng, các tổ đội chuyên trách bảo vệ rừng và phòng cháy chữa cháy rừng. Thực hiện tốt công tác quản lý, bảo vệ và phát triển rừng gắn với phát triển sinh kế của người dân nhận khoán bảo vệ rừng.

- Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, phổ biến giáo dục pháp luật về lâm nghiệp đến người dân sống, canh tác trong, ven rừng với nhiều nội dung, hình thức

thiết thực, sâu rộng, phong phú, đa dạng; vận động người dân trồng rừng, trồng cây lâm nghiệp, cây lâu năm, cây ăn quả trên diện tích nương rẫy xen kẽ trong quy hoạch 03 loại rừng.

- Quản lý chặt chẽ việc chuyển mục đích sử dụng rừng và diện tích chưa thành rừng sang mục đích khác; tăng cường công tác kiểm tra, giám sát việc thi công công trình trong, ven rừng nhằm phát hiện kịp thời các hành vi vi phạm Luật Lâm nghiệp; xử lý nghiêm đối với các tổ chức, cá nhân vi phạm.

VI. KIẾN NGHỊ, ĐỀ XUẤT

1. Đối với Trung ương

- Nghiên cứu, xây dựng và ban hành cơ chế, chính sách bảo vệ và phát triển rừng, gắn với chính sách giảm nghèo nhanh, bền vững và hỗ trợ đồng bào dân tộc thiểu số sau khi Nghị định 75/2015/NĐ-CP ngày 09/9/2015 của Chính phủ hết hiệu lực, theo đó tăng mức hỗ trợ tiền khoán bảo vệ rừng để tăng nguồn thu nhập giúp người dân yên tâm, gắn bó với việc bảo vệ rừng.

- Nghiên cứu, sửa đổi Quyết định số 38/2005/QĐ-BNN ngày 07/7/2005 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành định mức kinh kỹ thuật trồng rừng khoanh nuôi xúc tiến tái sinh và bảo vệ rừng để phù hợp với thực tế hiện nay.

- Nghiên cứu, bổ sung các chế độ hỗ trợ cho các lực lượng chuyên trách bảo vệ rừng để yên tâm công tác, như chế độ trực làm thêm, chế độ phụ cấp ưu đãi ngành, chế độ phụ cấp thâm niên ngành.

2. Đối với tỉnh

Tăng nguồn vốn đầu tư xây dựng, hoàn thiện kết cấu hạ tầng lâm nghiệp để bảo vệ và phát triển rừng; bảo vệ, bảo tồn đa dạng sinh học, môi trường, đồng thời tạo tiền đề thu hút và hỗ trợ các thành phần kinh tế tham gia phát triển rừng, gắn với phát triển du lịch sinh.

Trên đây là báo cáo về kết quả thực hiện chính sách, pháp luật về quản lý, sử dụng đất rừng, bảo vệ, phát triển rừng; tỷ lệ che phủ rừng giai đoạn 2016 - 2021 trên địa bàn huyện Thuận Bắc./.

Nơi nhận:

- Đoàn Giám sát HĐND tỉnh;
- Sở Nông nghiệp và PTNT;
- TT, Huyện ủy, TT. HĐND huyện;
- Chủ tịch, PCT UBND huyện;
- Các phòng ban của huyện;
- Ủy ban nhân dân các xã;
- Lưu: VT.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Trần Ngọc Bình

Phụ biểu 01: Công tác tuyên truyền giai đoạn 2016 - 2021

TT	Nội dung	ĐVT	Năm 2016	Năm 2017	Năm 2018	Năm 2019	Năm 2020	Năm 2021	Tổng cộng
1	Tuyên truyền bằng xe loa lưu động	Đợt							
2	Diễn tập PCCCR cấp tỉnh	Đợt							
3	Diễn tập PCCCR cấp huyện	Đợt							
4	Vận động hộ ký cam kết	Hộ		163	45	228	317	197	950
5	Họp dân tuyên truyền	Đợt	32	23	23	28	32	18	156
6	Lượt người họp tuyên truyền	Lượt người	2.471	2.764	2.354	2.414	1.812	857	12.672
7	Hội thi tuyên truyền cấp tỉnh	HT	1						1
8	Hội thi tuyên truyền cấp huyện	HT	1						1
9	Hội thi tuyên truyền cấp xã	HT							

Phụ biểu 02: Kết quả các vụ vi phạm QLBR từ 2016 - 2021

TT	Nội dung	Năm 2016	Năm 2017	Năm 2018	Năm 2019	Năm 2020	Năm 2021	Tổng cộng
1	Phá rừng trái phép				2	1		3
2	VPQĐ về khai thác gỗ và lâm sản khác							
3	VPQĐ về sử dụng đất lâm nghiệp							
4	VPQĐ về QLDV hoang dã							
5	Mua bán, vận chuyển lâm sản trái phép	15	9	4		2	4	34
6	VPQĐ về chế biến gỗ và lâm sản khác							
7	Vi phạm khác	3	5	8	9	4	2	31
8	Hình sự		1					1
	Tổng	18	15	12	11	7	6	69

Phụ biểu 03: Kết quả xử lý vi phạm từ năm 2016-2021

Hạng mục	Năm 2016	Năm 2017	Năm 2018	Năm 2019	Năm 2020	Năm 2021	Tổng cộng
1. Tổng số vụ đã xử lý	18	14	12	9	7	6	66
2. Tịch thu:							
- Ôtô, máy kéo (chiếc)							
- Xe trâu bò kéo (chiếc)							
- Xe máy (chiếc)	1	2	2		4	1	10
- Cưa máy (cái)		3	1	1			5
- Phương tiện khác (chiếc)				12			12
- Gỗ tròn (m3)	8,394	0,29					8,684
- Gỗ xẻ (m3)		0,708	0,047	0,221		1,834	2,810
- Củi (Ster)	13						13
- Cây cảnh (cây)	2	33	6		41	27	109
- Than hầm (kg)	785	100	50				935
- Góc rế (kg)	98	55					153
- Thực vật rừng (kg)				120			120
- Giá trị LS ngoài gỗ (1.000 đồng)							
3. Thu nộp ngân sách nhà nước (1.000 đồng)	135.150	23.550	11.100	8.040	26.382	50.800	255.022

Phụ biểu 04: Số vụ cháy rừng từ 2016 - 2021

Mùa khô	Số vụ cháy	Diện tích cháy (ha)	Số vụ cháy được cứu chữa	Số người tham gia chữa cháy	Mức độ thiệt hại
Năm 2016	2	4,1	2	26	Không đáng kể
Năm 2017	0				
Năm 2018	1	0,62	1	15	Không đáng kể
Năm 2019	0				
Năm 2020	5	5,60	5	114	Không đáng kể
Năm 2021	0				
Tổng cộng	8	10,32	8	155	

Phụ biểu 05: Kết quả thực hiện phát triển rừng giai đoạn 2016 - 2021

TT	Hạng mục	Đvt	Kế hoạch	Kết quả thực hiện	Phân theo năm thực hiện					
					2016	2017	2018	2019	2020	2021
1	Khoán bảo vệ rừng	Lượt ha		37.095	7.686	7.105	5.703	5.703	4.203	6.695
-	Chương trình MTPTLN bền vững	Lượt ha		37.095	7.686	7.105	5.703	5.703	4.203	6.695
-	Chương trình 30a	Lượt ha		0	0	0	0	0	0	0
-	Dịch vụ môi trường rừng	Lượt ha		0	0	0	0	0	0	0
2	Trồng mới rừng	ha		444,84	0,00	69,21	93,99	126,07	124,57	31,00
2.1	Trồng và chăm sóc rừng	ha		300,67	0,00	63,71	73,99	49,40	104,57	9,00
2.2	Trồng mới rừng sản xuất	ha		0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00
2.3	Trồng rừng thay thế	ha		144,17	0,00	5,50	20,00	76,67	20,00	22,00
3	Chăm sóc rừng	Lượt ha		859,81	0,00	0,00	69,21	163,20	277,27	350,13
-	Rừng đặc dụng	Lượt ha		303,10	0,00	0,00	51,71	84,70	94,20	72,49
-	Rừng phòng hộ	Lượt ha		301,37	0,00	0,00	12,00	53,00	80,90	155,47
-	Rừng sản xuất	Lượt ha		0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00
-	Rừng thay thế	Lượt ha		255,34	0,00	0,00	5,50	25,50	102,17	122,17
4	Khoanh nuôi XTTS	Lượt ha		9.468	0	760	2.177	2.177	2.177	2.177
4.1	Có tác động	Lượt ha		7.400	0	760	1.660	1.660	1.660	1.660
4.2	Không tác động	Lượt ha		2.068	0	0	517	517	517	517
5	Trồng cây phân tán	Ng. cây		156.161	62.000	0	0	0	90.000	4.161

Phụ biểu 07: Tổng hợp diễn biến rừng và đất lâm nghiệp từ năm 2016 - 2021 trên địa bàn huyện

Năm	Phân loại rừng	Diện tích đầu kỳ (ha)	Diện tích thay đổi (ha) (tăng (+), giảm (-))	Diện tích cuối kỳ (ha)	Quy hoạch 3 loại rừng (ha)				Ngoài quy hoạch (ha)	Độ che phủ rừng (%)	Ghi chú
					Cộng	Đặc dụng	Phòng hộ	Sản xuất			
Năm 2016	TỔNG DIỆN TÍCH TỰ NHIÊN	31.826,12								27,39	
	TỔNG RỪNG VÀ ĐẤT LÂM NGHIỆP	21.329,51	0	21.329,51	21.329,51	11.945,49	7.577,27	1.806,75			
	A. Đất có rừng	8.716,88	0	8.716,88	8.716,88	5.669,7	2.827,01	220,17			
	I. Rừng tự nhiên	7.260,09	0	7.260,09	7.260,09	4.855,68	2.273,02	131,39			
	II. Rừng trồng	1.456,79	0	1.456,79	1.456,79	814,02	553,99	88,78			
	1. Rừng trồng có trữ lượng	1.456,79	0	1.456,79	1.456,79	814,02	553,99	88,78			
	2. Rừng trồng chưa có trữ lượng										
	B. Đất chưa có rừng	12.612,63	0	12.612,63	12.612,63	6.275,79	4.750,26	1.586,58			
Năm 2017	TỔNG DIỆN TÍCH TỰ NHIÊN	31.826,12								27,38	
	TỔNG RỪNG VÀ ĐẤT LÂM NGHIỆP	21.329,51	-40,38	21.289,13	21.289,13	11.910,33	7.572,05	1.806,75			
	A. Đất có rừng	8.716,88	-2,26	8.714,62	8.714,62	5.667,46	2.826,99	220,17			
	I. Rừng tự nhiên	7.260,09	1,83	7.258,26	7.258,26	4.853,85	2.273,02	131,39			
	II. Rừng trồng	1.456,79	0,43	1.456,36	1.456,36	813,61	553,97	88,78			
	1. Rừng trồng có trữ lượng	1.456,79	0,43	1.456,36	1.456,36	813,61	553,97	88,78			
	2. Rừng trồng chưa có trữ lượng										
	B. Đất chưa có rừng	12.612,63	-38,12	12.574,51	12.574,51	6.242,87	4.745,06	1.586,58			
Năm 2018	TỔNG DIỆN TÍCH TỰ NHIÊN	31.826,12								27,38	
	TỔNG RỪNG VÀ ĐẤT LÂM NGHIỆP	21.289,13	6,05	21.295,18	21.295,18	11.910,33	8.567,06	817,79			
	A. Đất có rừng	8.714,62	0	8.714,62	8.714,62	5.667,46	2.978,82	68,34			
	I. Rừng tự nhiên	7.258,26	0	7.258,26	7.258,26	4.853,85	2.404,41				
	II. Rừng trồng	1.456,36	0	1.456,36	1.456,36	813,61	574,41	68,34			
	1. Rừng trồng có trữ lượng	1.456,36	0	1.456,36	1.456,36	813,61	574,41	68,34			
	2. Rừng trồng chưa có trữ lượng										
	B. Đất chưa có rừng	12.574,51	6,05	12.580,56	12.580,56	6.242,87	5.588,24	749,45			

Năm 2019	TỔNG DIỆN TÍCH TỰ NHIÊN	31.826,12								27,36	
	TỔNG RỪNG VÀ ĐẤT LÂM NGHIỆP	21.295,18	0	21.295,18	21.295,18	11.910,33	8.567,06	817,79			
	A. Đất có rừng	8.714,62	-7,99	8.706,63	8.706,63	5.667,46	2.978,82	60,35			
	I. Rừng tự nhiên	7.258,26	0	7.258,26	7.258,26	4.853,85	2.404,41				
	II. Rừng trồng	1.456,36	-7,99	1.448,37	1.448,37	813,61	574,41	60,35			
	1. Rừng trồng có trữ lượng	1.456,36	-7,99	1.448,37	1.448,37	813,61	574,41	60,35			
	2. Rừng trồng chưa có trữ lượng										
	B. Đất chưa có rừng	12.580,56	7,99	12.588,55	12.588,55	6.242,87	5.588,24	575,44			
Năm 2020	TỔNG DIỆN TÍCH TỰ NHIÊN	31.826,12								40,75	
	TỔNG RỪNG VÀ ĐẤT LÂM NGHIỆP	21.295,18	-139,7	21.155,48	21.155,48	11.907,39	8.562,70	685,39			
	A. Đất có rừng	8.706,63	4.261,68	12.968,31	12.968,31	8.083,60	4.719,71	165,00			
	I. Rừng tự nhiên	7.258,26	3.455,22	10.713,48	10.713,48	6.465,44	4.144,69	103,35			
	II. Rừng trồng	1.448,37	806,46	2.254,83	2.254,83	1.618,16	575,02	61,65			
	1. Rừng trồng có trữ lượng	1.448,37	806,46	2.254,83	2.254,83	1.618,16	575,02	61,65			
	2. Rừng trồng chưa có trữ lượng										
	B. Đất chưa có rừng	12.588,55	4.401,38	8.187,17	8.187,17	3.823,79	3.842,99	520,39			
Năm 2021	TỔNG DIỆN TÍCH TỰ NHIÊN	31.826,12								40,72	
	TỔNG RỪNG VÀ ĐẤT LÂM NGHIỆP	21.155,48	-557,59	20.597,89	20.597,89	11.900,13	8.175,57	522,19			
	A. Đất có rừng	12.968,31	-8,12	12.960,19	12.960,19	8.077,79	4.716,87	165,53			
	I. Rừng tự nhiên	10.713,48	-3	10.710,48	10.710,48	6.462,87	4.144,38	103,23			
	II. Rừng trồng	2.254,83	-5,12	2.249,71	2.249,71	1.614,92	572,49	62,30			
	1. Rừng trồng có trữ lượng	2.254,83	-5,12	2.249,71	2.249,71	1.614,92	572,49	62,30			
	2. Rừng trồng chưa có trữ lượng										
	B. Đất chưa có rừng	8.187,17	-549,47	7.637,70	7.637,70	3.822,34	3.458,70	356,66			

Phụ lục 08: Dự án đã được cấp thẩm quyền chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác giai đoạn 2016 - 2021

TT	Tên dự án	Diện tích chuyển mục đích sử dụng rừng (ha)											Văn bản cấp thẩm quyền chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác
		Tổng diện tích rừng	Rừng tự nhiên	Rừng trồng	Rừng đặc dụng		Rừng phòng hộ		Rừng sản xuất		Quy hoạch đưa ra GD 2007-2015		
					Rừng tự nhiên	Rừng trồng	Rừng tự nhiên	Rừng trồng	Rừng tự nhiên	Rừng trồng	Rừng tự nhiên	Rừng trồng	
	Tổng	17,44	4,52	12,92	0,87	6,39	2,81	5,26	0,84	1,27			
1	Dự án khai thác mỏ đá xây dựng Tây Cô Lô 2	0,68		0,68						0,68			Quyết định số 833/QĐ-UBND ngày 16/12/2021 của UBND tỉnh
2	Dự án đường dây 220 kV Nha Trang - Tháp Chàm	6,01	3,65	2,36			2,81	1,77	0,84	0,59			Quyết định số 502/QĐ-UBND ngày 14/9/2021 của UBND tỉnh
3	Dự án thành phần đầu tư xây dựng đoạn Cam Lâm - Vĩnh Hảo thuộc Dự án xây dựng một số đoạn đường bộ Cao tốc Bắc - Nam phía đông giai đoạn 2017-2020	3,49		3,49				3,49					Quyết định số 137/QĐ-UBND ngày 4/5/2020 của UBND tỉnh
4	Hệ thống hồ chứa nước Kiên Kiên	7,26	0,87	6,39	0,87	6,39							Quyết định số 87/QĐ-UBND ngày 04/3/2021 của UBND tỉnh